

Số: 46 /NQ-HĐND

Tủa Chùa, ngày 15 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA
KHÓA XXI, NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 14**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013; Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất; Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Tủa Chùa; Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Tủa Chùa;

Căn cứ Văn bản số 1339/STNMT-QHĐĐ&ĐĐBĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện.

Căn cứ Thông báo số 868-TB/HU ngày 03 tháng 11 năm 2023 của Ban

Chấp hành Đảng bộ huyện Tủa Chùa thông báo chủ trương về Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tủa Chùa;

Xét Tờ trình số 218 /TTr-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Tủa Chùa; Báo cáo thẩm tra số 97/BC-BPC ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ban Pháp chế HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên với các nội dung chủ yếu sau:

1. Danh mục các công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất năm 2024

- Tổng số công trình, dự án có nhu cầu sử dụng đất năm 2024 là: 45 công trình, dự án.

- Tổng diện tích đất sử dụng là: 1.041,56 ha.

(Chi tiết theo Biểu số 01 đính kèm).

2. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trên địa bàn huyện năm 2024

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân, tổ chức trên địa bàn huyện có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024 là: 32 trường hợp.

- Tổng diện tích đất chuyển mục đích sử dụng là: 0,49 ha.

(Chi tiết theo Biểu số 02 đính kèm).

3. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm 2024

- Tổng diện tích tự nhiên là: 68.414,88 ha, trong đó:

+ Đất nông nghiệp là: 63.369,90 ha; cơ cấu: 92,63%.

+ Đất phi nông nghiệp là: 4.262,54 ha; cơ cấu: 6,23%.

+ Đất chưa sử dụng là: 782,44 ha; cơ cấu: 1,14%.

(Chi tiết theo Biểu số 03 đính kèm).

4. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp là: 729,40 ha.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là: 0,04 ha.

(Chi tiết theo Biểu số 04 đính kèm).

5. Kế hoạch thu hồi đất năm 2024

- Đất nông nghiệp là: 729,27 ha.

- Đất phi nông nghiệp là: 19,81 ha.

(Chi tiết theo Biểu số 05 đính kèm).

6. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2024

- Đất phi nông nghiệp là: 9,39 ha, trong đó:
- + Đất an ninh là: 0,15 ha.
- + Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã là: 8,64 ha.
- + Đất ở tại đô thị là: 0,60 ha.

(Chi tiết theo Biểu số 06 đính kèm).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND huyện hoàn tất thủ tục trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định. Trường hợp sau thẩm định của cấp có thẩm quyền có nội dung thay đổi thì UBND huyện báo cáo Thường trực HĐND huyện biết.

2. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Tủa Chùa khóa XXI, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 10 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT. HĐND tỉnh;
 - UBND tỉnh;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh;
 - Thường trực Huyện ủy;
 - Thường trực HĐND huyện;
 - UBND huyện;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
 - Các đại biểu HĐND huyện;
 - Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
 - TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
 - Lưu: VT.
- } (b/c)

CHỦ TỊCH



Giàng A Páo

BIỂU 01: DANH MỤC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CÓ NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 5 tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
I	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			
1.1	Công trình, dự án mục đích an ninh, quốc phòng			
1	Thao trường huấn luyện tổng hợp của huyện	Xã Mường Báng	50,00	Quyết định 154/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND huyện Tủa Chùa về việc điều chỉnh đơn vị lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện Tủa Chùa.
2	Trụ sở công an thị trấn Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	0,17	Thông báo 43-TB/TU ngày 01 /12/2020 của Tỉnh ủy Điện Biên thông báo về việc lựa chọn vị trí, địa điểm khu đất quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc công an xã, phường trên địa bàn các huyện: Mường Chà, Mường Nhé, Tủa Chùa và TP Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên
3	Trụ sở làm việc công an xã Xá Nhè, huyện Tủa Chùa	Xã Xá Nhè	0,15	Văn bản số 1038/CAT-PH10 ngày 25/4/2022 của Công an tỉnh Điện Biên
4	Trụ sở công an xã Mường Báng	xã Mường Báng	0,10	Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên phê duyệt đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
5	Trụ sở công an xã Mường Đùn	Xã Mường Đùn	0,08	Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên phê duyệt đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
6	Trụ sở công an xã Trung Thu	Xã Trung Thu	0,05	Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên phê duyệt đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
7	Trụ sở công an Sín Chải	xã Sín Chải	0,07	Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên phê duyệt đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
				địa bàn tỉnh Điện Biên;
8	Trụ sở công an xã Tả Sin Thàng	Xã Tả Sin Thàng	0,04	Căn cứ Nghị quyết số 150/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên phê duyệt đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên;
9	Trụ sở công an xã Huổi Sớ	xã Huổi Sớ	0,06	
10	Trụ sở công an xã Lao Xá Phình	xã Lao Xá Phình	0,06	
11	Trụ sở công an xã Sinh Phình	xã Sinh Phình	0,08	
12	Trụ sở công an xã Tả Phìn	xã Tả Phìn	0,04	
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng			
II	Các công trình, dự án còn lại			
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			
2.1.1	Công trình chuyển tiếp từ kế hoạch sử dụng đất năm 2023			
a	Đất phát triển hạ tầng			
a1	Đất giao thông			
13	Cải tạo nâng cấp đường Tủa Thàng - Phi Giàng 1 - Phi Giàng 2 - Huổi Trắng, huyện Tủa Chùa	Xã Tủa Thàng	7,25	Quyết định số 981/QĐ-TTg ngày 15/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ
14	Đường giao thông Hấu Chua - Làng Giang, xã Sín Chải	Xã Sín Chải	7,09	Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của UBND huyện Tủa Chùa phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông Hấu Chua - Làng Giang, xã Sín Chải
15	Đường giao thông Tả Phìn-Huổi Sớ-Sông Đà	Xã Tả Phìn, Tủa Thàng, Huổi Sớ	13,22	Quyết định số 2168/QĐ-HĐND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án ĐTXD công trình: Nâng cấp đường giao thông Tả Phìn - Huổi Sớ - Sông Đà, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa
16	Đường sản xuất cụm dân cư Tả Si Láng, xã Tủa Thàng	Xã Tủa Thàng	5,90	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh
17	Nâng cấp tuyến đường Pằng Dề (Xá Nhè) - Phình Sáng, Tuần Giáo	Xã Xá Nhè	3,92	Nghị quyết số 147/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Điện Biên
18	Nâng cấp tuyến đường Thị trấn - Sính Phình - Tả Phìn	Thị trấn Tủa Chùa; xã Sính Phình, Tả Phìn	1,29	Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021; Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
19	Tuyến đường Tả Sìn Thàng - Páo Tình Làng - Sáng Tớ đi Sín Chải, Huổi Sớ.	Xã Tả Sìn Thàng, Sín Chải	8,82	Quyết định 1414/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án
20	Đường Đê Chu Tủa Thàng, xã Tủa Thàng, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa	Xã Tủa Thàng	4,25	Quyết định số 2166/QĐ-HĐND ngày 25/11/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án ĐTXD công trình: Đường Đê Chu - Tủa Thàng, xã Tủa Thàng, vùng tái định cư huyện Tủa Chùa
21	Công trình: Nâng cấp tuyến đường thị trấn - Đê Đê Hu - Sính Phình	Thị trấn Tủa Chùa, Xã Sính Phình	2,71	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 và Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 22/8/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên
a2	Đất công trình năng lượng			
22	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014-2020	huyện Tủa Chùa	42,94	Nghị quyết 395/NQ-HĐND ngày 11/12/2015; Nghị quyết 81/NQ-HĐND ngày 9/12/2017 của HĐND tỉnh Điện Biên
23	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	huyện Tủa Chùa	19,66	Nghị quyết 106/NQ-HĐND ngày 8/7/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên
24	Dự án san tải, giảm bán kính cấp điện các TBA phân phối và cải tạo lưới điện hạ áp để nâng cao độ ổn định cung cấp điện khu vực Tủa Chùa năm 2023	huyện Tủa Chùa	0,30	Nghị quyết số 127/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên
25	Đường dây truyền tải 35Kv dự án nhà máy thủy điện Đê Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	Xã Trung Thu	0,01	Quyết định số 1060/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Điện Biên về chủ trương đầu tư Dự án thủy điện Đê Bâu, xã Trung Thu, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên
a3	Đất thủy lợi			
26	Kè chống sạt lở suối Huổi Luông, thôn bản Hột, xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	Xã Mường Đun	2,50	Nghị quyết số 204/NQ-HĐND ngày 8/12/2020 của HĐND tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên
27	Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	0,08	Quyết định số 1437/QĐ-UBND ngày 10/08/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng hệ thống cấp nước bổ sung của nhà máy nước huyện Tủa Chùa
a4	Đất cơ sở y tế			
28	Trạm y tế xã Mường Báng	Xã Mường Báng	0,30	Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi và Quyết định đầu tư "Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
				cơ sở vùng khó khăn" vay vốn ODA và viện trợ không hoàn lại của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
a5	Đất cơ sở Giáo dục			
29	Trường PTDTBT tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa	Xã Mường Đun	1,10	Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường PTDTBT Tiểu học xã Mường Đun, huyện Tủa Chùa
a6	Đất cơ sở thể dục thể thao			
30	Sân vận động huyện Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	0,33	Quyết định số 1415/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Sân vận động huyện Tủa Chùa
b.	Đất ở tại đô thị			
31	Đấu giá đất ở tại đô thị tại thôn Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	0,43	Văn bản số 3472/ UBND-KTN ngày 26/10/2022 của UBND tỉnh Điện Biên.
32	Đấu giá quyền sử dụng đất tại lô 2 (thuộc 1 phần diện tích thửa 20 tờ bản đồ số 145), thôn Huổi Lực, thị trấn Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	0,02	Thông báo 403- TB-HU huyện Tủa Chùa ngày 5/10/2021
33	Giao đất có thu tiền sử dụng đất (các thửa đất nhỏ hẹp tại thị trấn)	Thị trấn Tủa Chùa	0,04	Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.
34	Khu đất đấu giá quyền sử dụng đất ở TDP Thành Công	Thị trấn Tủa Chùa	0,01	Quyết định số 976/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 của UBND tỉnh Điện Biên.
35	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đất để đấu giá QSD đất ở tại TDP Đồng Tâm, thị trấn Tủa Chùa, huyện Tủa Chùa	Thị trấn Tủa Chùa	1,18	Nghị quyết số 139/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Điện Biên
c	Đất ở tại nông thôn			
36	Di dời dân khỏi khu vực có nguy cơ thiên tai tại thôn Pú Ôn, xã Mường Báng, huyện Tủa Chùa	Xã Mường Báng	11,07	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 9/12/2021 của HĐND tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 02/4/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên
2.1.2	Công trình, dự án đăng ký mới năm 2024			
37	Đường liên thôn Quyết Tiến (thị trấn) - Sông Ún (xã Mường Báng)	Thị trấn Tủa Chùa, Xã Mường Báng	1,42	Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 15/03/2023 của UBND huyện Tủa Chùa Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Đường liên thôn Quyết Tiến (thị trấn) Sông Ún (xã Mường Báng)
38	Cải tạo, nâng cấp đường ra khu sản xuất thôn Tiên Phong, xã Mường Báng	Xã Mường Báng	1,00	NQ số 32/NQ-HĐND ngày 08/9/2023 của HĐND huyện Tủa Chùa Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
				hạn giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2023, trên địa bàn huyện Tủa Chùa
39	Đường giao thông bến thủy Huổi Trắng, Huổi Sớ, Mường Lay	Xã Tủa Thàng	3,00	Quyết định số 1412/QĐ-UBND ngày 13/8/2022 của UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông bến thủy Huổi Trắng, Huổi Sớ, Mường Lay
40	Nâng cấp đoạn đường từ nương nhà ông Sùng A Sáu đến nhà ông Sùng A Sinh thôn Háng Là, xã Sín Chải	Xã Sín Chải	2,00	Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của UBND huyện Tủa Chùa về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp đoạn đường từ nương nhà ông Sùng A Sáu đến nhà ông Sùng A Sinh, thôn Háng Là, xã Sín Chải
41	Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sớ, xã Huổi Sớ huyện Tủa Chùa	Xã Huổi Sớ	10,00	Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Điện Biên giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư và chủ đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới năm 2023 và năm 2024 của 03 Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên
-	<i>Trạm y tế xã Huổi Sớ, huyện Tủa Chùa (năm trong diện tích Dự án sắp xếp ổn định dân cư bản Huổi Sớ, xã Huổi Sớ huyện Tủa Chùa nên không cộng diện tích)</i>	<i>Xã Huổi Sớ</i>	<i>0,20</i>	Quyết định số 3828/QĐ-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế
42	Thủy điện Nậm Mức 2	Xã Mường Báng	14,29	Quyết định 1566/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Điện Biên về việc quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư
43	Thủy điện Nậm Seo	Xã Xá Nhè, xã Mường Báng	18,96	Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2025, có xem xét đến năm 2023
44	Dự án thủy điện tích năng Điện Biên 3	Xã Huổi Sớ, xã Tả Sìn Thàng	501,68	Văn bản 2975/UBND-KT của UBND tỉnh Điện Biên về việc cho phép nghiên cứu, khả sát đánh giá tiềm năng kỹ thuật, thu thập số liệu phục vụ lập bổ sung quy hoạch dự án Thủy điện

STT	Hạng mục	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng diện tích (ha)	Căn cứ pháp lý
				tích năng thuộc địa địa phận thị xã Mường Lỳ và huyện Tủa Chùa
45	Dự án cụm năng lượng điện gió, điện mặt trời	Xã Huổi Sớ	303,89	Văn bản 2975/UBND-KT của UBND tỉnh Điện Biên về việc cho phép nghiên cứu, khảo sát đánh giá tiềm năng kỹ thuật, thu thập số liệu phục vụ lập bổ sung quy hoạch dự án Thủy điện tích năng thuộc địa địa phận thị xã Mường Lỳ và huyện Tủa Chùa
	Tổng		1.041,56	

**BIỂU 02: NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT CỦA CÁC HỘ
GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

TT	Địa điểm (đến cấp xã)	Loại đất sau khi chuyển	Diện tích (ha)	Số hộ	Lấy vào loại đất		
					HNK	CLN	ODT
1	Thị trấn	ODT	0,24	23	0,2	0,04	
		DNL	0,04	1		0,04	
		TMD	0,02	1	0,005		0,014
2	Xã Mường Báng	ONT	0,09	5	0,09		
3	Xã Tả Sìn Thàng	ONT	0,01	1	0,01		
4	Xã Xá Nhè	TMD	0,09	1	0,09		
	TỔNG		0,49	32	0,395	0,08	0,014

BIỂU 03: PHÂN BỐ DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		68.414,88	
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.369,90	92,63
	<i>Trong đó:</i>			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.624,39	9,68
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	387,36	0,57
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	20.344,10	29,74
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.207,68	1,77
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	25.026,46	36,58
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10.086,82	14,74
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	7.732,87	11,30
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,42	0,11
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	2,03	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.262,54	6,23
	<i>Trong đó:</i>			0,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	54,70	0,08
2.2	Đất an ninh	CAN	1,83	0,00
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,00	0,00
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,04	0,00
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	1,23	0,00
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,00	0,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	17,71	0,03
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.525,90	2,23
-	<i>Trong đó:</i>		0,00	0,00
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	718,44	1,05
-	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	35,19	0,05
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	0,84	0,00
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	5,13	0,01
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	41,87	0,06
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	7,16	0,01
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	659,84	0,96
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	0,77	0,00
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	0,00	0,00
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	0,36	0,00
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	0,15	0,00

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,00	0,00
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	52,84	0,08
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH	0,00	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,00	0,00
-	Đất chợ	DCH	3,32	0,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	122,40	0,18
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,31	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,77	0,00
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	356,39	0,52
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	69,24	0,10
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	7,87	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,08	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,02	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2.093,22	3,06
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	6,74	0,01
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,09	0,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	782,44	1,14

BIỂU 04: KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	729,40
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	24,51
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>2,63</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	668,20
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	10,84
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	4,41
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	21,34
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/PNN</i>	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	0,10
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU	
2.7	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RPH/NKR ^(a)	
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RDD/NKR ^(a)	
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/NKR ^(a)	
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN/NKR^(a)</i>	
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,04

BIỂU 05: KẾ HOẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	729,27
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	24,51
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2,63
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	668,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10,80
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	4,41
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21,34
-	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,10
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	19,81
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,04
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	6,54
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	5,07
-	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	1,21
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	0,04
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	0,19
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	0,03
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	NTD	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	DKH	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	
-	<i>Đất chợ</i>	DCH	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1,08
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,17
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,09
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	11,89
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	

BIỂU 06: KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 11 năm 2023 của HĐND huyện Tủa Chùa)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất nông nghiệp	NNP	
	<i>Trong đó:</i>		
1.1	Đất trồng lúa	LUA	
-	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	
-	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	
1.8	Đất làm muối	LMU	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	9,39
	<i>Trong đó:</i>		
2.1	Đất quốc phòng	CQP	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,15
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	8,64
	<i>Trong đó:</i>		
-	<i>Đất giao thông</i>	DGT	3,04
-	<i>Đất thủy lợi</i>	DTL	0,01
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	DVH	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	DYT	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	DGD	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	DTT	
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	DNL	5,59
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	DBV	
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	DKG	
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	DDT	
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	DRA	
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	TON	
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	NTD	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	DKH	
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	DXH	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,60
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	